

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm học 2025-2026

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường: Trường Tiểu học Võ Thị Sáu
2. Địa chỉ: Thôn Đàn Trung xã Chiên Đàn thành phố Đà Nẵng
3. Email: thvts_xachiendan@danang.gov

Cổng thông tin điện tử: <https://thvothisauchiendan.edu.vn/>

4. Loại hình: Công lập

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân xã Chiên Đàn

5. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu:

- Sứ mệnh: Tạo dựng được môi trường học tập về nề nếp, kỷ cương có chất lượng giáo dục cao, để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo.

- Tầm nhìn: Xây dựng chiến lược phát triển Trường Tiểu học Võ Thị Sáu nhằm tạo dựng được môi trường học tập nề nếp, kỷ cương và có chất lượng cao. Giáo dục học sinh tính năng động, sáng tạo, tự chủ, sống biết chia sẻ, có trách nhiệm và hòa nhập tốt trong cộng đồng, có khả năng giải quyết vấn đề, vượt qua rào cản tâm lý để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo. Học sinh biết ứng dụng những kiến thức và kỹ năng đã học vào trong cuộc sống.

- Giá trị cốt lõi: Nhà trường đẩy mạnh công tác tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn, tăng cường tuyên truyền, giáo dục tính kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, hợp tác, sáng tạo; tình thương yêu, lòng tự trọng, nhân ái, bao dung độ lượng cho đội ngũ CB, GV, NV và học sinh nhằm tổ chức tốt các hoạt động giáo dục toàn diện, giáo dục kỹ năng sống thân thiện, khôn khéo và khát vọng vươn lên; nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, bồi dưỡng và phân đấu có nhiều học sinh năng khiếu, nâng cao hiệu quả đào tạo.

Nâng cao chất lượng tổ chức các cuộc họp, phát huy dân chủ cơ sở, để xây dựng các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường ngày một vững mạnh.

Xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, trường học xanh, sạch, đẹp, an toàn, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện học sinh.

Thực hiện tốt phương châm trường Tiểu học Võ Thị Sáu (VTS): “*Chất lượng giáo dục là danh dự của nhà trường*”.

- Mục tiêu: Không ngừng nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục của nhà trường, duy trì hiệu quả kiểm định mức độ 3.

6. Quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

Trường được thành lập theo Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 04/7/2025 của Ủy ban nhân dân xã Chiên Đàn thành phố Đà Nẵng.

Đặc điểm chính của đơn vị:

- Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 54/46 nữ.

Được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước nên sự nghiệp giáo dục được coi là quốc sách hàng đầu, tạo điều kiện để nhà trường nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh. Trường được thành lập từ năm 1985, song trong những năm qua trường Tiểu học Võ Thị Sáu đã xây dựng thành công thư viện đạt chuẩn quốc gia theo Quyết định 01/BGD&ĐT được Sở Giáo dục- Đào tạo công nhận theo quyết định số 1281/QĐ-SGD&ĐT. Thư viện Tiên tiến (2007-2008) theo quyết định số 3448/QĐ-SGD&ĐT. Thư viện Xuất sắc (2009-2010). Theo QĐ số 3338/QĐ-SGD&ĐT ngày 04/11/2010 của Giám đốc Sở GD&ĐT Quảng Nam. Trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia theo Quyết định 1366/BGD&ĐT mức độ 1 (1999-2000) theo Quyết định số 3068/GD-ĐT ngày 19/7/2000 của Bộ GD&ĐT, là trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 đầu tiên của Thành phố Tam Kỳ và là trường điểm về phong trào thi đua: “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”. Năm 2014 trường đã được UBND tỉnh Quảng Nam công nhận đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2. Từ khi chia tách thành 2 đơn vị hành chính là Tam Kỳ và Phú Ninh (2005) trường đạt 9 năm liên tục đạt Tập thể Lao động xuất sắc cấp Tỉnh (từ năm 2007 đến năm 2015)); Năm 2010, trường đạt Kiểm định chất lượng Giáo dục cấp độ 3; Năm học 2012-2013 được Chủ tịch nước Cộng hòa XHCN Việt Nam trao tặng Huân chương Lao động hạng Ba và Năm học 2017-2018 được Chủ tịch nước Cộng hòa XHCN Việt Nam trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhì; Năm học 2014-2015, 2016-2017 và 2017-2018 được UBND tỉnh Quảng Nam tặng Cờ thi đua; Năm học 2016-2017 được Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ thi đua đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước. Năm học 2017-2018 được Bộ GD&ĐT tặng Cờ thi đua đơn vị đã có thành tích tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu phong trào thi đua “Đổi mới sáng tạo trong dạy và học”. Năm 2025 sát nhập xã lấy tên xã Chiên Đàn.

Năm học 2025-2026 trường gồm 44 giáo viên trực tiếp giảng dạy, 100% đạt chuẩn. Số cán bộ quản lý và nhân viên có trình độ như sau: Hiệu trưởng tốt nghiệp ĐHSP; phó Hiệu trưởng tốt nghiệp ĐHSP; kế toán, Thư viện có trình độ đại học; Tổng phụ trách Đội có trình độ Đại học; văn thư có trình độ đại học. Tổng số học sinh 884 em, chia thành 28 lớp. Trường có tổ chức chi bộ Đảng độc lập gồm 33 đảng viên, đạt chi bộ trong sạch vững mạnh và hoàn thành tốt nhiệm vụ, giữ vai trò hạt nhân lãnh đạo toàn bộ hoạt động của nhà trường. Song song với phong trào giáo viên dạy giỏi là phong trào nâng cao năng lực học sinh qua các môn học và hoạt động giáo dục. Bên cạnh phong trào mũi nhọn, chất lượng đại trà của nhà trường trong năm qua cũng được giữ vững và nâng cao.

Ngoài những thành tích về học tập thì phong trào văn nghệ, thể dục thể thao luôn được thường xuyên phát động, hằng năm nhà trường tham gia các Hội thi do cấp trên tổ chức đều đạt thành tích cao. Các tổ chức đoàn thể của nhà trường cũng lớn mạnh không ngừng, chi bộ đảng có 33 đảng viên và liên tục nhiều năm liền đạt trong sạch vững mạnh và hoàn thành tốt nhiệm vụ. Liên đội đạt vững mạnh xuất sắc.

7. Thông tin người đại diện

- Họ và tên: Nguyễn Thị Trà My
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Số điện thoại: 0985090199
- Email: tramytx@gmail.com

8. Tổ chức bộ máy

STT	Số văn bản	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Trích yếu văn bản
1	35/QĐ-UBND	Ngày 04 tháng 7 năm 2025	Ủy ban nhân dân xã Chiên Đàn	Quyết định về việc thành lập trường UBND xã Chiên Đàn về việc thành lập Trường Tiểu học Võ Thị Sáu
2	725/QĐ-UBND	Ngày 23 tháng 9 năm 2025	Ủy ban nhân dân xã Chiên Đàn	Quyết định thành lập Hội đồng trường
3	47/QĐ-UBND	Ngày 09 tháng 7 năm 2025	Ủy ban nhân dân xã Chiên Đàn	Quyết định bổ nhiệm lại chức vụ hiệu trưởng Trường Tiểu học Võ Thị Sáu
4	58/QĐ-UBND	Ngày 09 tháng 7 năm 2025	Ủy ban nhân dân xã Chiên Đàn	Quyết định bổ nhiệm phó hiệu trưởng Trường Tiểu học Võ Thị Sáu
5	59/QĐ-UBND	Ngày 09 tháng 7 năm 2025	Ủy ban nhân dân xã Chiên Đàn	Quyết định bổ nhiệm phó hiệu trưởng Trường Tiểu học Võ Thị Sáu
6	385/QĐ-VTS	Ngày 26 tháng 9 năm 2025	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	Quyết định về việc ban hành quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của trường Võ Thị Sáu
7	289/KH-VTS	Ngày 04 tháng 9 năm 2025	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025-2026

II. ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN

1. Nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ được đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	00	00	01	00	
Phó hiệu trưởng	02	02	00	00	02	00	
Giáo viên	44	39	01	01	43	00	
Nhân viên	07	04	00	03	04	00	
Tổng cộng	54	46	01	04	50	00	

2. Chuẩn nghề nghiệp

STT	Đội ngũ	Đạt chuẩn nghề nghiệp năm học 2024-2025	Phấn đấu sẽ đạt chuẩn nghề nghiệp năm học 2025-2026
1	Cán bộ quản lý	03/03, 100%	03/03, 100%
2	Giáo viên	44/44, 100%	44/44, 100%
Tổng cộng		47/47, 100%	47/47, 100%

3. Bồi dưỡng hàng năm

STT	Đội ngũ	Hoàn thành bồi dưỡng Năm học 2024-2025	Dự kiến hoàn thành bồi dưỡng năm học 2025-2026
1	Cán bộ quản lý	03/03, 100%	03/03, 100%
2	Giáo viên	44/44, 100%	44/44, 100%
3	Nhân viên	0	0
Tổng cộng		47/47, 100%	47/47, 100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	NỘI DUNG	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	28/28	1 lớp/1 phòng
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	28	1 lớp/1 phòng
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ mượn	0	-
III	Số điểm trường lẻ	1	
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	30.212	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập		
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1.344	
2	Diện tích thư viện (m ²)	198	

3	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m2)	22	
4	Diện tích phòng giáo dục thể chất/nhà đa năng (m2)	300	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m2)	0	
6	Diện tích phòng tin học (m2)	96	
7	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m2)	0	
8	Diện tích phòng truyền thông và hoạt động Đội (m2)	24	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: Bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	28	
1.1	<i>Khối lớp 1</i>	6	
1.2	<i>Khối lớp 2</i>	5	
1.3	<i>Khối lớp 3</i>	5	
1.4	<i>Khối lớp 4</i>	5	
1.5	<i>Khối lớp 5</i>	7	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
2.1	<i>Khối lớp 1</i>	0	
2.2	<i>Khối lớp 2</i>	0	
2.3	<i>Khối lớp 3</i>	0	
2.4	<i>Khối lớp 4</i>	0	
2.5	<i>Khối lớp 5</i>	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: Bộ)	82	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		
1	Ti vi	32	
2	Máy chiếu	1	
	Nội dung	Số lượng (m2)	
X	Nhà bếp	374	
XI	Nhà ăn	500	
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện	

		tích	
XII	Phòng nghỉ cho hs bán trú	Không	
XII I	Khu nội trú	Không	

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho GV	Dùng cho học sinh		Số m2/ học sinh	
			Chung	Nam /Nữ	Chung	Nam /Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (Lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

STT	Số văn bản	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Mức độ đạt kiểm định
1	394/QĐ-SGDĐT	Ngày 02 tháng 03 năm 2021	Sở Giáo dục và Đào tạo	Cấp độ 3

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Số liệu chung

Khối lớp	Tổng số lớp	Tổng số HS	Số HS học 1 buổi/ngày	Bình quân hs/lớp	Nữ	Dân tộc	Khuyết tật
Một	6	199	199	33	92	0	3
Hai	5	161	161	32	68	1	0
Ba	5	152	152	30	73	1	1
Bốn	5	171	171	34	89	1	0
Năm	7	201	201	28	108	6	3
Tổng cộng	28	884	884	31	430	09	07

2. Kết quả giáo dục

Khối lớp	Tổng số HS	Số HS hoàn thành chương trình lớp học/tiểu học	Số HS được lên lớp	Số HS không được lên lớp
Một	199	197	197	2
Hai	161	161	161	0
Ba	152	152	152	0
Bốn	171	171	171	0
Năm	201	201	201	0
Tổng cộng	884	882	882	2

VI. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC TÀI CHÍNH

STT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa; hoạt động khác	Các quỹ
I	Quyết toán thu					
A	Tổng số thu					
1	Số thu phí, lệ phí					
1.1	Lệ phí					
1.2	Phi					
1.3	Cấp bù Học phí	176.800.000	176.800.000			
2	Thu hộ – chi hộ					
2.1	Bán trú	2.613.025.000	2.613.025.000			
2.2	BHYT	566.092.800	566.092.800			

2.3	BHTN	74.300.000	74.300.000			
2.4	Tiền CSVN ban đầu bán trú (đối với HS lớp 1)	45.000.000	45.000.000			
2.5	Dạy bơi	47.150.000	47.150.000			
II	Quyết toán chi NSNN					
A	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	10.040.462.308	10.040.462.308	9.217.262.308	823.200.000	

6001	Lương theo ngạch, bậc	5.012.420.402	5.012.420.402	5.012.420.402		
6051	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	195.261.000	195.261.000	195.261.000		
6101	Phụ cấp chức vụ	93.366.000	93.366.000	93.366.000		
6107	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	11.232.000	11.232.000	11.232.000		
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	1.692.263.666	1.692.263.666	1.692.263.666		
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	7.020.000	7.020.000	7.020.000		
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	765.345.466	765.435.466	765.435.466		
6299	Chi khác	16.200.000	16.200.000		16.200.000	
6301	Bảo hiểm xã hội	1.067.261.944	1.067.261.944	1.067.261.944		
6302	Bảo hiểm y tế	182.959.191	182.959.191	182.959.191		
6303	Kinh phí công đoàn	49.914.859	49.914.859	49.914.859		
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	60.730.368	60.730.368	60.730.368		
6404	Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ	100.166.000	100.166.000	79.397.412	20.768.588	
6449	Chi khác	40.037.400	40.037.400		40.037.400	
6501	Tiền điện	68.044.966	68.044.966 1.317.164		68.044.966	
6502	Tiền nước	1.317.164			1.317.164	
6504	Tiền vệ sinh, môi trường	5.600.000	5.600.000		5.600.000	
6551	Văn phòng phẩm	9.912.610	9.912.610		9.912.610	
6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	35.831.640	35.831.640		35.831.640	
6553	Khoản văn phòng phẩm	14.100.000	14.100.000		14.100.000	
6599	Vật tư văn phòng khác	27.964.456	27.964.456		27.964.456	
6601	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại), thuê bao	296.881	296.881		296.881	

	đường điện thoại, fax					
6605	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	6.864.000	6.864.000		6.864.000	
6606	Tuyên truyền, quảng cáo	21.647.100	21.647.100		21.647.100	
6699	Chi phí khác	4.287.000	4.287.000		4.287.000	
6701	Tiền vé máy bay, tàu, xe	5.954.000	5.954.000		5.954.000	
6702	Phụ cấp công tác phí	5.750.000	5.750.000		5.750.000	
6703	Tiền thuê phòng ngủ	6.300.000	6.300.000		6.300.000	
6757	Thuê lao động trong nước	37.171.800	37.171.800		37.171.800	
6758	Thuê đào tạo lại cán bộ	3.200.000	3.200.000		3.200.000	
6799	Chi phí thuê mướn khác	79.150.000	79.150.000		79.150.000	
6907	Nhà cửa	24.111.930	24.111.930		24.111.930	
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	23.039.964	23.039.964		23.039.964	
6921	Đường điện, cấp thoát nước	26.537.920	26.537.920		26.537.920	
6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	130.533.000	130.533.000		130.533.000	
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	50.052.363	50.052.363		50.052.363	
7004	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động	6.962.400	6.962.400		6.962.400	
7049	Chi khác	124.795.780	124.795.780		124.795.780	
7053	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	8.000.000	8.000.000		8.000.000	
B	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	873.534.158		90.159.158	783.375.000	
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	4.845.000			4.845.000	
6199	Các khoản hỗ trợ khác	4.584.000			4.584.000	
7049	Chi khác	18.820.000			18.820.000	
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	90.159.158		90.159.158		
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	2.925.000			2.925.000	
6199	Các khoản hỗ trợ khác	17.016.000			17.016.000	

7766	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	176.800.000			176.800.000	
8006	Chi tính gián biên chế	558.385.000			558.385.000	
C	TIỀN THUỞNG	486.093.000			486.093.000	
6201	Thưởng thường xuyên	486.093.000			486.093.000	

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Đội ngũ

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên luôn cố gắng xây dựng Trường Tiểu học Võ Thị Sáu phát triển bền vững, tiến bộ với những giá trị mới, thực tiễn trong việc đổi mới phương pháp dạy học của thời kì hội nhập. "Mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên hiểu và làm tốt công việc của mình". Học sinh thực hiện tốt phương châm trường Tiểu học Võ Thị Sáu: "*Chất lượng giáo dục là danh dự của nhà trường*"

Thầy cô luôn tích cực trong việc đổi mới phương pháp dạy học để nâng cao chất lượng giáo dục. Chất lượng học tập của học sinh đạt được hiệu quả thực chất, vững vàng khi lên lớp trên, không có học sinh bỏ học hay ngồi nhầm lớp. Mỗi học sinh được phát triển tùy theo khả năng. Các em nắm vững các kiến thức, kỹ năng đã được rèn luyện theo mức độ chuẩn chung cả nước và có nâng cao, đảm bảo tính vững chắc theo yêu cầu chung của Thành phố Đà Nẵng, trung tâm phát triển của cả nước.

Tạo dựng được môi trường học tập nề nếp, kỷ cương có chất lượng để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực và tư duy sáng tạo của bản thân. Có thể nói chất lượng giáo dục của nhà trường luôn phát triển bền vững, tạo được niềm tin trong cộng đồng và được Nhà nước công nhận.

2. Kết quả dạy học và phong trào mũi nhọn

100% học sinh học 2 buổi/ngày.

100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp.

Trường duy trì kiểm định chất lượng cấp độ 3.

Duy trì trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

Tỉ lệ học sinh hoàn thành Chương trình tiểu học đạt 100%;

Tham gia các phòng trào, hội thi, sân chơi

* Tham gia thi IOE cấp trường: 85 em tham và thi cấp xã: 46 em tham gia, cấp thành phố 27 em, cấp Quốc gia 17 em.

- Đạt giải cấp xã: 1 Nhất, 1 Nhì; 2 Ba, 1 KK

- Đạt giải cấp TP: 1 Nhì; 1 Ba, 1 KK

- Công nhận hoàn thành tốt kỳ thi Quốc gia: 10 em

* Học sinh khối 1 đến khối 5 tham gia thi Đấu trường Vioedu cấp trường: Nội dung

thi Tổng hợp: 82 em. Vioedu nội dung thi Tiếng Anh: 56 em.

- Tham gia thi cấp xã: Tổng hợp Toán - Tiếng Việt: 32 em. Tiếng anh: 25 em.

- Tham gia thi cấp TP: Tổng hợp Toán - Tiếng Việt: 9 em. Tiếng anh: 6.

- Đạt giải cấp xã: Nội dung Tiếng Anh: 4 giải vàng, 1 giải đồng, 1 KK

Nội dung Tổng hợp: 1 giải vàng, 1 giải đồng, 1 KK

- Đạt giải cấp TP: Nội dung Tiếng Anh: 1 giải vàng, 2 KK

Nội dung Tổng hợp: 1 giải bạc, 1 giải đồng, 1 KK

* Tổ chức cho học sinh giao lưu tiếng Anh cấp trường.

* Tổ chức giải TTTHS cấp trường:

- Cờ vua: 56 hs tham gia: 10 giải nhất, 10 giải nhì.

- Bóng bàn: 22 hs tham gia: 3 giải nhất, 3 giải nhì.

- Môn bơi: 102 hs tham gia, 16 giải nhất, 17 giải nhì

- Đạt giải cấp xã: Nhì toàn đoàn

- Bơi: đạt 4 giải nhất, 5 giải nhì, 2 giải ba

- Bóng bàn: 1 giải nhì

- Cờ vua: 1 giải nhất, 1 giải nhì

* Tham gia hội thi vẽ tranh Mỹ thuật

- Bao lực học đường do xã tổ chức đạt giải 01 Nhất, 02 Nhì

- Thiếu nhi Đà Nẵng - Sắc màu kỷ nguyên mới đạt giải cấp xã: 1 giải Nhất, 1 giải Nhì, 3 giải KK.

* Tham gia dự thi “Trạng nguyên nhỏ tuổi” do Sở GDĐT thành phố kết hợp với Báo Tiền phong tổ chức có 04/04 em đạt giải Hoàng Giáp.

* Tham gia thi kể chuyện theo sách đạt giải Ba cấp thành phố (GV và HS)

3. Đổi mới công tác quản lý, chuyển đổi số trong giáo dục

Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục; sử dụng hiệu quả các phần mềm quản lý trường học, hồ sơ điện tử, học bạ số, cơ sở dữ liệu ngành và chữ ký số theo quy định. Cán bộ, giáo viên tích cực ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo (AI) trong xây dựng kế hoạch giáo dục, thiết kế bài giảng, kiểm tra đánh giá, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, giảm hồ sơ giấy và nâng cao chất lượng dạy học.

4. Thực hiện công khai, dân chủ trong nhà trường

Nhà trường thực hiện nghiêm các quy định về công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT; công khai đầy đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, đội ngũ, cơ sở vật chất, tài chính và kết quả hoạt động giáo dục trên cổng thông tin điện tử của trường. Việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở được duy trì nền nếp; phát huy vai trò của Hội đồng trường, Ban Thanh tra nhân dân và Ban đại diện cha mẹ học sinh trong giám sát, góp ý và phối hợp xây dựng nhà trường.

5. Công tác bảo đảm an toàn trường học và phối hợp giáo dục

Nhà trường triển khai đồng bộ các giải pháp xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; tăng cường giáo dục kỹ năng sống, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống bạo lực học đường, phòng chống đuối nước, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và an toàn trên không gian mạng. Công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội được thực hiện thường xuyên thông qua các cuộc họp cha mẹ học sinh, các kênh thông tin điện tử và các hoạt động trải nghiệm, góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện học sinh.

Trên đây là nội dung báo cáo thường niên về việc thực hiện công khai theo quy định tại Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT năm học 2025-2026 của trường Tiểu học Võ Thị Sáu./.

Nơi nhận:

- Đăng công TTĐT trường;
- Lưu: VT.



Nguyễn Thị Trà My